TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: ấp A, xã T2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú tại: ấp A, xã T2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, chị Trần Thị G, trình bày: Chị và anh Lê Văn T có tìm hiểu trước, cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn sống bên gia đình chị. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2007, thì phát sinh mâu thuẫn, anh T thường hay uống rượu, về nhà đánh đập vợ con. Chị đã nhẫn nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, nhờ hai bên cha, mẹ khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi. Mỗi lần anh T uống rượu về nhà là hành hạ vợ con và các con không dám

ngủ ở nhà. Chị có báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng anh T cũng không thay đổi tính tình. Từ khi chị nộp đơn tại Tòa án cho đến nay chị và anh T không còn sống chung. Từ khi ly thân hai bên không có gặp nhau bàn chuyện hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T vì tình cảm không còn.

Bị đơn anh Lê Văn T, trình bày: Phần kết hôn giống như chị G trình bày. Trước đây anh cũng có uống rượu về chửi vợ con, nhưng nay thấy có lỗi với vợ con, xin chị G tha thứ. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh không chấp nhận vì còn thương vợ con.

Chị Trần Thị G và anh Lê Văn T đã thống nhất:

Về con chung: Có hai con là Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 12/4/2006 và Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 23/02/2011, hai con đang sống với chị G, thỏa thuận: Chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi hai con do chị G tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị G ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị G và anh T, giao hai con Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 12/4/2006 và Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 23/02/2011 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Lê Văn T là bị đơn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Lê Văn T là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị G là có căn cứ, vì: Anh T đã thừa nhận mình có thường xuyên đi uống rượu về nhà chửi vợ con, không chăm lo cho vợ con. Anh chị đã làm tờ tự thuận tình ly hôn với sự chứng kiến của hai bên gia đình. Từ khi chị G nộp đơn khởi kiện anh T cũng không đến gặp chị G hàn gắn. Từ những điều đó cho thấy tình cảm của anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm

trọng, anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được và đã không còn sống chung. Do đó, chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên công nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nhưng chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng. Khi nào có phát sinh yêu cầu thì chị G có quyền khởi kiện theo quy định chung.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Anh Lê văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

[9] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chị Trần Thị G chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 14498 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị G. Cho Trần Thị G được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị G và anh Lê Văn T: Chị Trần Thị G được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 12/4/2006 và Lê Thị Cẩm L, sinh ngày 23/02/2011. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị G chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 14498 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú